

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Nguyễn Đình Huy

Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài 05/11/2021, ngày nhận đăng 17/02/2022

DOI <https://doi.org/10.56824/vuj.2021ed28>

Tóm tắt: Bài báo trình bày thực trạng quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn ở các trường đại học Việt Nam về các nội dung: tuyển sinh, chương trình đào tạo, quá trình đào tạo và môi trường đào tạo.

Từ khoá: Quản lý đào tạo; chương trình đào tạo thạc sĩ; lý luận và phương pháp dạy học bộ môn.

1. Mở đầu

Chương trình đào tạo (CTĐT) là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021).

Ngành đào tạo là tập hợp những kiến thức, kỹ năng chuyên môn liên quan đến một lĩnh vực khoa học hay một lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp nhất định. CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học (PPDH) bộ môn có mã số 8140111, thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục trong lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017).

Hiện nay, ở Việt Nam, nhiều trường đại học có đào tạo sư phạm tiến hành tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và PPDH bộ môn.

Mục tiêu CTĐT được xác định: Người học tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ ngành Lý luận và PPDH bộ môn có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề, giao tiếp và hợp tác trong nghiên cứu khoa học giáo dục, nghiên cứu khoa học cơ bản nói chung và PPDH bộ môn nói riêng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập giáo dục quốc tế (Trường Đại học Vinh, 2020).

Bài báo này trình bày thực trạng quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và PPDH bộ môn ở một số trường đại học Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Nội dung, đối tượng khảo sát và xử lý số liệu

Để đánh giá thực trạng quản lý đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và PPDH bộ môn, chúng tôi tiến hành khảo sát thông qua phiếu hỏi về 04 nội dung: công tác tuyển sinh, CTĐT, quá trình đào tạo và môi trường đào tạo.

Có 600 người được khảo sát, bao gồm 250 giảng viên, 50 cán bộ quản lý và 300 học viên thuộc 5 trường đại học: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường Đại học Vinh; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Số lượng từng nhóm đối tượng được khảo sát của từng trường được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1: Tổng hợp mẫu khảo sát

Cơ sở đào tạo	Đối tượng khảo sát			
	Giảng viên	CBQL	Học viên	Tổng cộng
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	45	10	40	95
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	50	10	30	90
Trường Đại học Vinh	65	10	120	195
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế	45	10	60	105
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	45	10	50	105
Tổng cộng	250	50	300	600

Chúng tôi coi những nhà khoa học tham gia đào tạo tại các trường đại học đều là giảng viên. Các giảng viên được khảo sát bao gồm cả giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng.

Việc khảo sát được tiến hành trong năm học 2020-2021. Các nội dung công tác tuyển sinh, CTĐT, quá trình đào tạo và môi trường đào tạo được khảo sát về mức độ quan trọng và mức độ thực hiện. Mức độ quan trọng được xác định theo 4 cấp độ: rất quan trọng, quan trọng, ít quan trọng, không quan trọng với mức điểm số tương ứng: 4, 3, 2, 1. Mức độ thực hiện được xác định theo 4 cấp độ: tốt, khá, trung bình, yếu với mức điểm số tương ứng: 4, 3, 2, 1. Số liệu thu thập được qua các phiếu khảo sát được tổng hợp và xử lý trên phần mềm Excel (Anol Bhattachrjee, 2015).

2.2. Thực trạng quản lý công tác tuyển sinh

Thực trạng quản lý công tác tuyển sinh được tiến hành khảo sát theo 6 yếu tố: (1) *Khảo sát nhu cầu nhân lực trước khi tuyển sinh*; (2) *Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đúng quy định về năng lực thực hiện*; (3) *Lập kế hoạch tuyển sinh*; (4) *Tổ chức quảng bá tuyển sinh*; (5) *Tổ chức thực hiện tuyển sinh*; (6) *Đánh giá công tác tuyển sinh hằng năm*.

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết cán bộ quản lý, giảng viên và học viên đánh giá cả 6 yếu tố ở mức độ quan trọng và rất quan trọng. Điểm đánh giá trung bình về mức độ quan trọng của 6 nội dung là 3,093. Phần lớn những người được khảo sát đều khẳng định các yếu tố *Lập kế hoạch tuyển sinh*, *Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đúng quy định về năng lực thực hiện* và *Tổ chức thực hiện tuyển sinh* là quan trọng vì đây là các yếu tố đầu vào; có học viên thì mới có quá trình đào tạo. Trong bối cảnh hiện nay, số lượng học viên tham gia đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và PPDH bộ môn ngày càng ít, các trường tham gia khảo sát đều tập trung vào khâu tuyển sinh để có học viên tham gia đào tạo.

Đa số các trường có xu hướng tự đánh giá năng lực đào tạo cao hơn so với thực tế để tăng chỉ tiêu tuyển sinh. Điều này dẫn tới hệ quả nhiều trường có số lượng tuyển sinh vượt so với năng lực thực hiện.

Một số đối tượng được khảo sát đánh giá thấp tầm quan trọng của yếu tố *Tổ chức quảng bá tuyển sinh* (với điểm trung bình (ĐTB) 3,067). Ở một số cơ sở đào tạo, thông tin tuyển sinh chỉ được đưa lên website để người học tự tìm hiểu. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới số lượng tuyển sinh ngày càng giảm, có những cơ sở đào tạo trong những năm gần đây không tuyển đủ chỉ tiêu.

Trong khi nhận thức về công tác tuyển sinh khá tốt thì việc thực hiện công tác tuyển sinh chưa được đánh giá cao, với ĐTB 2,680. Hai nội dung được đánh giá cao nhất là *Công tác lập kế hoạch tuyển sinh* và *Tổ chức thực hiện tuyển sinh*, với ĐTB tương ứng là 3,079 (xếp thứ 1) và 2,986 (xếp thứ 2). Có kết quả này là do hàng năm Bộ Giáo dục và Đào tạo đều yêu cầu các trường báo cáo kế hoạch tuyển sinh.

Hai nội dung được đánh giá thấp nhất là *Tổ chức quảng bá tuyển sinh* và *Khảo sát nhu cầu nhân lực trước khi tuyển sinh* với ĐTB lần lượt là 2,473 (xếp thứ 5) và 2,358 (xếp thứ 6). Điều này cho thấy hầu hết các cơ sở đào tạo chưa thực hiện khảo sát hoặc ít khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực đào tạo và còn thụ động trong việc tuyển sinh.

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các trường đại học đều thực hiện nghiêm túc Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành. Tuy nhiên, do nguồn tuyển sinh hạn chế nên có tình trạng hạ thấp yêu cầu tuyển sinh, dẫn đến chất lượng đầu vào không tốt.

2.3. Thực trạng quản lý chương trình đào tạo

Thực trạng quản lý CTĐT được khảo sát theo 6 yếu tố: (1) *Chỉ đạo xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra theo tiếp cận năng lực*; (2) *Thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu đào tạo theo tiếp cận năng lực*; (3) *Xây dựng kế hoạch phát triển CTĐT*; (4) *Định kỳ kiểm tra, đánh giá công tác phát triển CTĐT*; (5) *Tổ chức phát triển CTĐT*; (6) *Định kỳ so sánh, đối chiếu mục tiêu với kết quả đào tạo*.

Kết quả khảo sát cho thấy, về nhận thức, phần lớn các đối tượng được khảo sát đều cho rằng việc quản lý CTĐT là quan trọng, thể hiện qua ĐTB 3,093. Các trường đã thực hiện quản lý khá toàn diện đối với CTĐT thạc sĩ ngành Lý luận và PPDH bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả khảo sát các yếu tố cụ thể có sự khác biệt. Các đối tượng đánh giá cao tầm quan trọng của các nội dung *Xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra theo tiếp cận năng lực* (với ĐTB 3,317; xếp thứ 1) và *Tổ chức phát triển CTĐT* (với ĐTB 3,129; xếp thứ 2). Đây là một sự nhận thức đúng đắn vì để xây dựng nội dung CTĐT theo tiếp cận năng lực thì phải xây dựng được mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra theo tiếp cận năng lực.

Các nội dung được đánh giá thấp nhất là *Định kỳ so sánh, đối chiếu mục tiêu với kết quả đào tạo* (ĐTB 2,960; xếp thứ 6) và *Xây dựng kế hoạch phát triển CTĐT đào tạo* (ĐTB 3,019; xếp thứ 5). Việc tham khảo ý kiến của giảng viên cho thấy có những trường không thực hiện cập nhật CTĐT một cách bài bản; chỉ có giảng viên tự bổ sung, cập nhật nội dung bài giảng. Thực tế, có những cơ sở đào tạo áp dụng cùng một CTĐT cho nhiều khóa đào tạo.

Khác với thực trạng về nhận thức, việc thực hiện CTĐT nói chung được đánh giá thấp, với ĐTB 2,662. Các nội dung được thực hiện tốt nhất bao gồm *Tổ chức phát triển CTĐT* (ĐTB 3,061; xếp thứ 1) và *Xây dựng kế hoạch phát triển CTĐT* (ĐTB 2,728; xếp

thứ 2). Các nội dung được đánh giá thấp nhất bao gồm: *Thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu đào tạo* (ĐTB 2,417; xếp thứ 6) và *Định kỳ kiểm tra, đánh giá công tác phát triển CTĐT* (ĐTB 2,495; xếp thứ 5).

Kết quả khảo sát cho thấy chưa có sự thống nhất cao giữa nhận thức và hành động trong thực hiện các nội dung quản lý CTĐT. Có nội dung nhận thức được xếp ở mức 1 nhưng việc thực hiện chỉ đạt mức độ 3; có nội dung nhận thức đạt mức 6 nhưng thực hiện đạt mức 4.

2.4. Thực trạng quản lý quá trình đào tạo

2.4.1. Về quy trình tổ chức đào tạo

Ba yếu tố liên quan đến quản lý quy trình tổ chức đào tạo được khảo sát bao gồm: (1) *Xây dựng quy trình tổ chức đào tạo cụ thể theo các bước*; (2) *Đánh giá, điều chỉnh, cải tiến quy trình tổ chức đào tạo*; (3) *Kiểm tra thực hiện quy trình tổ chức đào tạo*.

Kết quả khảo sát về mức độ quan trọng của 3 yếu tố trên có ĐTB chung 3,198; ĐTB của từng yếu tố lần lượt là 3,226 (xếp thứ 2), 3,119 (xếp thứ 3), 3,251 (xếp thứ 1). Trong khi đó, kết quả khảo sát về mức độ thực hiện có ĐTB chung 2,814; ĐTB của từng yếu tố lần lượt là 2,956 (xếp thứ 1), 2,643 (xếp thứ 3), 2,844 (xếp thứ 2).

Mặc dù nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý quy trình tổ chức đào tạo, nhưng về mặt thực hiện, trong thực tế, các đối tượng được khảo sát đánh giá không cao.

2.4.2. Về hoạt động dạy của giảng viên

Tám yếu tố được khảo sát bao gồm: (1) *Tổ chức hoạt động dạy của giảng viên thực hiện đúng quy chế đào tạo*; (2) *Chỉ đạo biên soạn đề cương chi tiết học phần*; (3) *Chỉ đạo giảng viên đổi mới phương pháp, hình thức, tổ chức dạy học*; (4) *Phát triển năng lực dạy cho giảng viên*; (5) *Xây dựng chế độ, chính sách phù hợp đối với giảng viên*; (6) *Có sổ theo dõi giảng dạy của giảng viên*; (7) *Có danh sách các giảng viên cơ hữu và kiêm nhiệm giảng dạy*; (8) *Có danh sách các giảng viên tham gia hướng dẫn luận văn cao học*.

Tám yếu tố nói trên có ĐTB chung về mức độ quan trọng bằng 3,038 và ĐTB chung về mức độ thực hiện 2,717.

Yếu tố *Tổ chức hoạt động dạy của giảng viên thực hiện đúng quy chế đào tạo* được đánh giá là rất quan trọng (ĐTB 3,337; xếp thứ 1). Việc thực hiện yếu tố này cũng được đánh giá tốt (ĐTB 3,185; xếp thứ 1). Tiếp theo, yếu tố *Có danh sách các giảng viên cơ hữu và kiêm nhiệm giảng dạy* được đánh giá ở mức khá tốt, xếp thứ bậc 3 cả về mức độ nhận thức và mức độ thực hiện, có ĐTB lần lượt là 3,097 và 2,916. Yếu tố *Chỉ đạo giảng viên đổi mới phương pháp, hình thức, tổ chức dạy học* được đánh giá khá quan trọng (với ĐTB 3,122; xếp thứ 2) nhưng về mặt thực hiện chỉ được xếp thứ 6 với ĐTB 2,430.

Hai yếu tố "*Xây dựng chế độ, chính sách phù hợp đối với giảng viên* và *Phát triển năng lực dạy cho giảng viên* đều được đánh giá thấp nhất (đều xếp thứ bậc tương ứng cho từng nội dung là thứ 7 và thứ 8) cả về mức độ nhận thức tầm quan trọng và cả về mức độ thực hiện.

2.4.3. Về hoạt động học của học viên

Bốn yếu tố được khảo sát bao gồm: (1) *Phát triển năng lực tự học cho học viên*; (2) *Hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho học viên*; (3) *Tổ chức cho học viên nghiên cứu khoa học*; (4) *Xây dựng chế độ khen thưởng, kỷ luật học viên hợp lý*.

Bốn yếu tố trên có ĐTB chung về mức độ quan trọng bằng 2,937 và ĐTB chung về mức độ thực hiện 2,345.

Có sự không đồng nhất giữa nhận thức về mức độ quan trọng và tổ chức thực hiện. Các yếu tố được đánh giá cao là *Hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho học viên* (ĐTB về nhận thức tầm quan trọng là 3,161; về mức độ thực hiện là 2,703; xếp thứ 1) và *Phát triển năng lực tự học cho học viên* (ĐTB về nhận thức tầm quan trọng là 3,153; về mức độ thực hiện là 2,478; xếp thứ 2).

2.4.4. Về đánh giá kết quả học tập

Ba yếu tố được khảo sát bao gồm: (1) *Quản triệť quy định và quy trình về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các học phần*; (2) *Chỉ đạo đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc học phần theo hướng tiếp cận năng lực*; (3) *Phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy học*.

Ba yếu tố trên có ĐTB chung về mức độ quan trọng bằng 2,922 và ĐTB chung về mức độ thực hiện 2,628.

Mặc dù nội dung *Phân tích kết quả đánh giá, điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy học* được xem là quan trọng nhất (với ĐTB 2,995; xếp thứ 1) nhưng việc thực hiện nội dung này lại yếu nhất (với ĐTB 2,215; xếp thứ 3). Trong khi đó, nội dung *Quản triệť quy định và quy trình về kiểm tra, đánh giá các học phần* có mức độ quan trọng được xếp thứ 2 nhưng việc thực hiện nội dung này được xếp thứ 1.

Trong thực tế, ở các trường đại học có đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và PPDH bộ môn, việc quản lý đánh giá kết quả học tập của học viên được quy định cụ thể về nội dung và phương thức đánh giá. Các trường trao quyền đánh giá quá trình cho giảng viên. Tùy theo đặc thù của mỗi học phần trong CTĐT, các trường có quy định việc đánh giá cuối học phần bằng bài thi viết hay bài tập tiểu luận. Các trường chỉ đạo thống nhất việc giao nhận đề tài luận văn, phân công người hướng dẫn, tổ chức hội đồng duyệt đề cương, hội đồng chấm luận văn theo đúng quy định. Tuy nhiên quan điểm tiếp cận và thang đánh giá vẫn còn có sự chênh lệch giữa các cơ sở đào tạo. Việc công bố điểm học phần chưa kịp thời để học viên biết kết quả học tập và có sự điều chỉnh cần thiết trong học tập.

2.5. Thực trạng quản lý môi trường đào tạo

Môi trường đào tạo có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo. Vì vậy, bất kỳ cơ sở đào tạo nào cũng phải xây dựng môi trường đào tạo thuận lợi, tạo điều kiện cho người học tiếp thu và lĩnh hội được nhiều kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp. Thực trạng quản lý môi trường đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và PPDH bộ môn được tiến hành theo 04 yếu tố: (1) *Thực hiện dân chủ hóa nhà trường; Xây dựng văn hóa dạy học, văn hóa nhà trường lành mạnh, nề nếp, kỷ cương*; (2) *Xây dựng hệ thống văn bản bảo đảm cơ sở pháp lý và cơ chế chính sách đối với công tác quản lý, chỉ đạo đào tạo cao học*; (3) *Xây dựng cơ chế quản lý đảm bảo chất lượng đào tạo*; (4) *Xây dựng cơ chế quản lý công tác hỗ trợ học viên*.

Bốn yếu tố trên có ĐTB chung về mức độ quan trọng bằng 3,047 và ĐTB chung về mức độ thực hiện 2,606.

Tất cả các nội dung quản lý môi trường đào tạo được đánh giá ở mức quan trọng trở lên với ĐTB đạt từ 2,762 trở lên. Trong đó, nội dung có thứ bậc cao nhất về mức độ quan trọng và mức độ thực hiện là *Xây dựng hệ thống văn bản bảo đảm cơ sở pháp lý và cơ chế chính sách đối với công tác quản lý, chỉ đạo đào tạo* với ĐTB về mức độ quan trọng bằng đạt 3,296 và ĐTB về mức độ thực hiện 2,993.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và PPDH bộ môn ở 5 trường đại học Việt Nam cho thấy:

- Chính sách tuyển sinh được các trường xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật; tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá. Tuy nhiên, các trường cần chú trọng các hoạt động phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực và tổ chức quảng bá tuyển sinh.

- Về quản lý CTĐT, các trường cần định kỳ rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo; so sánh, đối chiếu mục tiêu với kết quả đào tạo và kiểm tra, đánh giá công tác phát triển CTĐT.

- Về quản lý quá trình đào tạo, các trường cần tiến hành đánh giá, cải tiến quy trình tổ chức đào tạo; chú trọng phát triển năng lực dạy cho giảng viên; xây dựng chính sách phù hợp đối với giảng viên; phân tích kết quả đánh giá, trên cơ sở đó kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy học.

- Mặc dù đã có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho các thành viên trong trường và những người có liên quan, các trường cần tiến hành lấy ý kiến giảng viên, người học và các bên liên quan khác để làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Anol Bhattachrjee (2015). *Nghiên cứu khoa học xã hội: Nguyên lý, phương pháp và thực hành*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ*.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.

Trường Đại học Vinh (2020). *Chương trình đào tạo thạc sĩ các ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn*.

SUMMARY

**THE TRAINING MANAGEMENT SITUATION
OF MASTER PROGRAMS IN THEORY
AND TEACHING METHODS
IN VIETNAMESE UNIVERSITIES**

Nguyen Dinh Huy

Vinh University

Received on 05/11/2021, accepted for publication on 17/02/2022

This article presents the current situation of training management of the Master programs in theory and teaching methods at Vietnamese universities in terms of following contents: enrollment, training program, training process and training environment.

Keywords: Training management; master programs; theory and teaching methods.